

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**Môn: Ngữ văn; Lớp 11 - Năm học: 2022 - 2023****Thời gian làm bài: 90 phút**

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Văn bản đọc hiểu ngoài sách giáo khoa		1		1		1		1	4
		Tỉ lệ %		10		10		10		10	40
2	Viết	Viết văn bản nghị luận văn học								1	1
		Tỉ lệ%		25		20		10		5	60
Tổng				35		30		20		15	100
Tỉ lệ (%)			35		30		20		15		
Tỉ lệ chung (%)			65				35				

* **Lưu ý:** Kĩ năng viết có 01 câu bao gồm 04 cấp độ

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II**Môn: Ngữ văn; Lớp 11 - Năm học: 2022 - 2023****Thời gian làm bài: 90 phút**

- Cách tính điểm của mỗi câu được quy định chi tiết trong đáp án và hướng dẫn chấm.

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Văn bản đọc hiểu ngoài sách giáo khoa	Nhận biết: - Xác định: PCNN, PTBD, TTLL, thể thơ... trong văn bản. Thông hiểu: - Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong văn bản. - Nội dung, ý nghĩa của văn bản... Vận dụng: - Nêu quan điểm về nội dung văn bản. - Rút ra bài học...	01TL	01TL	01TL	01TL (HS trả lời bằng 01 đoạn văn 07 – 10 dòng)	04
			Tỉ lệ%	10%	10%	10%	10%	40%
2	Viết	Viết văn bản nghị luận văn học - Dạng đề: Phân tích một đoạn thơ hoặc bài thơ. Từ đó nhận xét/bình luận một vấn đề có liên quan - Giới hạn bài: + Đây thôn Vĩ Dạ (Hàn Mặc Tử) + Chiều tối (Hồ Chí Minh)	Nhận biết: - Xác định được cấu trúc, cách làm bài văn nghị luận văn học Thông hiểu: - Có những hiểu biết về tác giả, tác phẩm, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, đánh giá về một vấn đề văn học. Vận dụng cao - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. - Sắp xếp luận điểm, lí lẽ, hợp lí.				1	
			Tỉ lệ %	25%	20%	10%	5%	60%
Tổng số câu				1	1	1	2	5
Tỉ lệ				35%	30%	20%	15%	100%
Tỉ lệ chung				65%		35%		100%